

Bản án số: 03/2025/HS-ST

Ngày: 08 - 8 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG NGÃI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Quang; ông Huỳnh Cao Trung

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4- Quảng Ngãi

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08/8/2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo:

1.1. Bị cáo: **LÊ THỊ V.** Giới tính: Nữ

Sinh ngày 10 tháng 03 năm 1998, tại Quảng Ngãi.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 6/12. Nghề nghiệp: Không.

Số CCCD: 051198004578; cấp ngày 26 tháng 01 năm 2022; Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH – Bộ công an.

Nơi thường trú: Thôn Cộng Hòa 2, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi. (địa chỉ cũ là thôn Cộng Hoà 2, xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi). Con ông Lê E; con bà Đặng Thị L; chồng Đặng Văn C, sinh năm 1978. Bị cáo có 04 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/3/2024 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

1.2. Bị cáo: **TRẦN VĂN H.** Giới tính: Nam.

Sinh ngày 08 tháng 08 năm 1990; tại tỉnh Quảng Ngãi.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không.

Số CCCD: 051090003858; cấp ngày: 25/06/2024. Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH – Bộ công an.

Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Phú An, xã Đông Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi (địa chỉ cũ là thôn Phú An, xã Trà Phú, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi). Con ông Trần S; con bà Huỳnh Thị L. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/3/2024 đến ngày 17/6/2024. Quyết định thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh từ ngày 18/6/2024 đến ngày 17/7/2024. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/7/2024 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại: Ông Trần Đăng R, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, nay là tổ dân phố An Nghĩa, xã Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Thái T, sinh năm 2003.

Địa chỉ cũ là: Số 751/27Q Hồng Bàng, phường 6, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Ông Ôn Văn T, sinh năm 2001.

Địa chỉ cũ là: 423/34/15 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Ông Nông Văn T, sinh năm 1990.

Địa chỉ cũ là: Xóm Bãi Cát, xã Tiên Hội, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

3.4. Ông Lê E sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn Cộng Hòa 2, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 16/3/2024, Lê Thị V, sinh năm 1998, trú thôn Cộng Hòa 2, xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi, nay là thôn Cộng Hòa 2, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76R2-0274, nhãn hiệu Nouvo, màu đen-vàng đi một mình đến tiệm điện thoại Đăng R của ông Trần Đăng R, sinh năm 1986 trú tổ dân phố 4, thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, nay là xã Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi để mua điện thoại di động. Tại đây Lê Thị V mua 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 với giá 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng), V giao tiền mua điện thoại và ngồi chờ cài đặt máy. Lúc này, Lê Thị V nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của ông Trần Đăng R và tại đây, V nói do đang cần tiền lấy hàng gấp, nhờ Trần Đăng R chuyển tiền vào tài khoản cho V 290.000.000 đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng) rồi người nhà V sẽ mang tiền mặt đến đưa lại, đồng thời sẽ trả phí dịch vụ chuyển tiền. Vì thấy V vẫn

còn ở tại tiệm điện thoại và xe vẫn còn để trước nhà nên Roôn tin và đồng ý chuyển tiền theo yêu cầu của Lê Thị V nhiều lần, cụ thể:

+ Lần thứ nhất: Lúc 14 giờ 08 phút ngày 16/3/2024, Lê Thị V yêu cầu Trần Đăng R chuyển vào số tài khoản 100385064227 Ngân hàng Việt Nam Thương Tín của Lê Thị V số tiền 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng), được Đăng R đồng ý và sử dụng số tài khoản 1019910768 để chuyển khoản 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng) thành công.

+ Lần thứ hai: Lúc 15 giờ 21 phút ngày 16/3/2024, Lê Thị V yêu cầu Trần Đăng R chuyển vào số tài khoản số 39399457 Ngân hàng ACB của người có tên Thai T số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Trần Đăng R tiếp tục sử dụng số tài khoản 1019910768 chuyển số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) thành công.

+ Lần thứ ba: Lúc 15 giờ 35 phút, ngày 16/3/2024, Lê Thị V yêu cầu Trần Đăng R chuyển vào số tài khoản 100385064227 Ngân hàng Việt Nam Thương Tín của Lê Thị V số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Trần Đăng R sử dụng số tài khoản 1019910768 chuyển số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) thành công.

+ Lần thứ tư: Lúc 15 giờ 54 phút ngày 16/3/2024, Lê Thị V yêu cầu Trần Đăng R chuyển vào số tài khoản 100385064227 Ngân hàng Việt Nam Thương Tín của Lê Thị V số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Trần Đăng R sử dụng số tài khoản 0271001016332 chuyển số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) thành công.

Sau khi Trần Đăng R thực hiện 04 (bốn) lần giao dịch chuyển tiền với tổng số tiền 290.000.000 đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng), thì V nói với R là cho V một tiếng đồng hồ, chồng V nhận tiền hàng sẽ mang đến trả. Lợi dụng lúc R đang sửa điện thoại, V lấy lý do đi vệ sinh rồi leo ra mái tôn tầng một nhà Trần Đăng R để bỏ trốn ra ngoài, núp trong bụi cây gần đó. Tại đây Lê Thị V điện thoại cho Trần Văn H, sinh năm 1990, trú thôn Phú An, xã Trà Phú, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi kể lại sự việc mình vừa lừa đảo chiếm đoạt tài sản xong, đang lẩn trốn cần H đến giúp đưa đi trốn, H đồng ý.

Khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày H thuê xe taxi Mai Linh (không nhớ biển kiểm soát) chở H đến địa chỉ theo hướng dẫn của V. Đến nơi, Lê Thị V lên xe taxi đi cùng H về nhà trọ thuộc tổ dân phố Quyết Thắng, phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi trốn. Đến khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày Lê Thị V nói với H đi công việc nhưng thực tế là V về rủ chồng con đi Đà Nẵng chơi mấy ngày. Sau đó, V cùng chồng là Đặng Văn C và con thuê xe taxi Mai Linh chở đi Đà Nẵng, khi đi đến đoạn đường dẫn cao tốc Quảng Ngãi - Đà Nẵng thì V yêu cầu dừng xe và đi bộ xuống khu vực xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Đến khoảng 03 giờ sáng ngày 17/3/2024, Lê Thị V điện thoại cho Trần Văn H nhờ Hiệp đến ngã ba Chợ Đình thuộc xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi đón V. Lúc này, H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76V5-6709 (xe mượn của ông Lê E, sinh năm 1972, trú thôn Lâm Lục Bắc, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi trước đó) đến địa điểm Ngã ba Chợ Đình đón V. Sau khi đón V xong, H chở V đi thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà thuê nhà nghỉ ở lại đến khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày H chở V đi lên thị

trần Măng Đen, huyện KonPlong, tỉnh Kon Tum thuê nhà nghỉ ở. Đến ngày 21/3/2024, Công an phát hiện Lê Thị V và Trần Văn H đang ở nhà nghỉ Tuấn Trâm thuộc thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi nên mời về Cơ quan làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Thị V và Trần Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Toàn bộ số tiền 290.000.000 đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng) mà Lê Thị V chiếm đoạt được dùng để chuyển trả nợ cho người có tên Thai Tuan, có số tài khoản 39399457 Ngân hàng ACB (trong đó chuyển từ tài khoản của Lê Thị V 220.000.000 đồng và chuyển từ tài khoản của Trần Đăng R 70.000.000 đồng)

** Vật chứng của vụ án thu giữ:*

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Lệnh nhập kho vật chứng những đồ vật, tài liệu và vật chứng sau: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xám, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong, đã qua sử dụng. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đen, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong, đã qua sử dụng. 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo, màu đỏ, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong, đã qua sử dụng. 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát: 76V5-6709, nhãn hiệu Dream, màu xanh đen, đã qua sử dụng. 01 (một) xe mô tô, biển kiểm soát 76R2-0274, nhãn hiệu Nouvo, màu vàng đen, đã qua sử dụng.

** Về kết quả trưng cầu giám định.*

Tại bản Kết luận giám định số 557/KL-KTHS, ngày 29/7/2024, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi, đối với: Giám định dữ liệu điện tử trong vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Che giấu tội phạm xảy ra tại tổ dân phố 4, thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 16/3/2024, kết luận:

1. Dữ liệu bên trong điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu đỏ trong thời gian ngày 16/3/2024, cụ thể:

Không có dữ liệu cuộc gọi đến, cuộc gọi đi; tin nhắn SMS đến, đi; tin nhắn đến, đi trong ứng dụng Zalo.

Không tìm thấy dữ liệu phục hồi.

2. Dữ liệu bên trong điện thoại di động Iphone màu xanh trong thời gian ngày 16/03/2024, cụ thể: Không phục hồi và trích xuất dữ liệu cuộc gọi đến; cuộc gọi đi, tin nhắn SMS đến, đi; tin nhắn đến, đi trên ứng dụng Zalo (điện thoại bị khóa mặt khóa màn hình).

3. Dữ liệu bên trong điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đen, mặt trước điện thoại bị vỡ, trong thời gian ngày 16/03/2024, cụ thể:

Không phục hồi và trích xuất dữ liệu cuộc gọi đến, cuộc gọi đi, tin nhắn SMS đến, đi; tin nhắn đến, đi trên ứng dụng Zalo (điện thoại bị hỏng, không khởi động được).

Tại bản Cáo trạng số 48/CT -VKSTN ngày 31/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Lê Thị V phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Trần Văn H phạm

vào tội “*Che giấu tội phạm*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bị cáo Lê Thị V phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 9 (chín) năm đến 10 (mười) năm tù.

2. Tuyên bị cáo Trần Văn H phạm vào tội “*Che giấu tội phạm*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự.

Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

3. Về trách nhiệm dân sự. Buộc bị cáo Lê Thị V phải bồi thường cho bị hại ông Trần Đăng R số tiền 281.500.000 đồng (hai trăm, tám mươi một triệu, năm trăm đồng).

4. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Trả lại 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xám, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong, đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đen, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong, đã qua sử dụng cho Lê Thị V

Trả lại 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát: 76V5-6709, nhãn hiệu Dream, màu xanh đen, đã qua sử dụng cho ông Lê E.

Trả lại 01 (một) xe mô tô, biển kiểm soát 76R2-0274, nhãn hiệu Nouvo, màu vàng đen, đã qua sử dụng cho bị cáo Trần Văn H.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo, màu đỏ, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong, đã qua sử dụng của bị cáo Trần Văn H.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Qua tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận Cáo trạng truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan. Bị cáo và bị hại không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra của Điều tra viên; của Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ

tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng được thực hiện hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bị cáo Lê Thị V là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo nhận thức được việc xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động, để có tiền tiêu xài nên bị cáo dùng thủ đoạn, lời nói gian dối để Trần Đăng R tin và đã chiếm đoạt của Trần Đăng R tổng cộng số tiền là 290.000.000 đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng). Do đó hành vi của bị cáo Lê Thị V đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2.2] Hành vi của bị cáo Lê Thị V không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội ở địa phương, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[2.3] Bị cáo Trần Văn H là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân bị can nhận thức được hành vi của Lê Thị V là vi phạm pháp luật nhưng do tình cảm nên bị cáo đã trực tiếp thực hiện hành vi che giấu tội phạm, mục đích giúp V trốn tránh sự truy bắt của cơ quan Công an. Hành vi của bị cáo đã làm cản trở việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội của cơ quan Công an nên đủ yếu tố cấu thành tội “*Che giấu tội phạm*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 389 Bộ luật Hình sự, phải xử lý nghiêm, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, tỏ thái độ ăn năn hối cải nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3] Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Cơ quan điều tra thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xám, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong, đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đen, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong, đã qua sử dụng của bị cáo Lê Thị V, hai điện thoại này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thị V nên trả lại cho bị cáo V là có căn cứ. Tuy nhiên, bị cáo còn có nghĩa vụ thi hành phần trách nhiệm dân sự của bản án nên tiếp tục tạm giữ để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án.

Đối với 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát: 76V5-6709, nhãn hiệu Dream, màu xanh đen bị cáo Trần Văn H mượn của ông Lê E, ông Lê E không biết bị cáo H sử dụng xe vào việc phạm tội nên trả lại xe cho ông Lê E là có căn cứ.

Đối với 01 (một) xe mô tô, biển kiểm soát 76R2-0274, nhãn hiệu Nouvo, màu vàng đen, đã qua sử dụng, bị cáo Vĩ sử dụng xe này đi đến tiệm điện thoại của R để lừa đảo, lúc đi H không biết nên trả lại cho Trần Văn H là có căn cứ.

Trả lại 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo, màu đỏ, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong, đã qua sử dụng của Trần Văn H.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Lê Thị V đã chiếm đoạt của Trần Đăng R tổng số tiền là 290.000.000 đồng. Bị hại ông Trần Đăng R tự nguyện khấu trừ số tiền 8.500.000 đồng mà bị cáo V đã mua 01 điện thoại di động Iphone 11 nhưng để lại tiệm khi bị cáo V bỏ trốn. Tại phiên toà, bị hại yêu cầu bị cáo V phải trả lại 281.500.000 đồng (hai trăm, tám mươi một triệu, năm trăm đồng), không yêu cầu trả lãi. Do đó, cần buộc bị cáo V có nghĩa vụ trả lại cho ông Trần Đăng R số tiền là 281.500.000 đồng (hai trăm, tám mươi một triệu, năm trăm đồng) là đúng quy định của pháp luật.

[5] Tại Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 02/2025/HSST-QĐ, ngày 14/01/2025 của Toà án nhân dân huyện Tư Nghĩa yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa điều tra bổ sung nội dung:

Thời điểm T mở tài khoản số 39399457 tại Ngân hàng ACB là khi nào, vì đây là tài khoản bị can V chuyển tiền cho Tuấn.

Kể từ thời điểm mở tài khoản số 39399457 T có thực hiện các giao dịch chuyển tiền đối với tài khoản số 39399457 không?

Điều tra làm rõ số tiền bị can V chuyển vào tài khoản số 39399457 hiện nay còn hay không, nếu còn đề nghị có biện pháp phong tỏa đối với tài khoản này, nếu không còn đề nghị làm rõ T đã thực hiện các giao dịch đối với số tiền bị can Vĩ đã chuyển như thế nào?

Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa đã quyết định trả hồ sơ cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Tư Nghĩa, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ngãi điều tra bổ sung, kết quả điều tra bổ sung như sau:

Sau khi Lê Thị V chuyển số tiền lừa đảo do chiếm đoạt mà có đến số tài khoản 39399457 mang tên Thái T, kết quả sao kê thể hiện số tài khoản này thực hiện rất nhiều giao dịch chuyển tiền đến rất nhiều số tài khoản khác nhau (cụ thể như đĩa DVD sao kê Ngân hàng cung cấp). Ngoài ra, làm việc với người có tên Thái T xác định tài khoản trên Thái T không sử dụng, người quản lý, sử dụng Thái T không rõ.

Ngày 25/3/2025, Ngân hàng TMCP Á Châu cung cấp kết quả sao kê số tài khoản 39399457, chủ tài khoản tên Thai Tuan thì thời gian và số tiền nhận trùng khớp với số tiền tại bảng sao kê tài khoản của Lê Thị V và Trần Đăng R đã chuyển cho Thai T.

Đối với số tài 6637971 mà Lê Thị V chuyển tiền theo mã MB-IBFT:YY16543932BB (số tiền 10.000.000 đồng) – chủ tài khoản là ON VAN TAI:

chủ tài khoản là ông Ôn Vân T, sinh ngày 18/6/2001, quốc tịch Việt Nam, thường trú tại 53A Âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, chỗ ở hiện nay tại 423/34/15 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh. Vào đầu năm 2023, T bị mất căn cước công dân nên số tài khoản 6637971 do ai quản lý, sử dụng Ôn Vân T không biết. Bản thân T cũng không có quan hệ hay quen biết gì với Lê Thị V.

Đối với số tài khoản 37227627 mà Lê Thị V đã chuyển tiền theo mã MB-IBFT:EY5089180 (số tiền 50.000.000 đồng) – chủ tài khoản NONG VAN TUYEN: Nông Văn T sinh năm 1990, thường trú tại xóm Bãi Cát, xã Tiên Hội, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Ng. Hiện nay Nông Văn Tn không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì địa phương không rõ.

Do kết quả điều tra bổ sung không làm thay đổi bản chất và nội dung vụ án nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Quảng Ngãi giữ nguyên Cáo trạng số 48/CT-VKS-TN ngày 31/10/2024 truy tố bị can Lê Thị V về tội Trộm cắp tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự và Trần Văn H về tội Che giấu tội phạm quy định tại Điều 389 BLHS và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện Tư Nghĩa để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Các tình tiết khác có liên quan đến vụ án.

[6.1] Ngày 12 tháng 6 năm 2024, Cơ quan CSĐT Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời ủy thác điều tra số 258/QĐ-CQĐT ngày 13 tháng 05 năm 2024, của Cơ quan CSĐT Công an huyện Tư Nghĩa, về việc xác minh đối tượng có tên THAI TUAN - Thái T, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2003, trú 751/27Q Hồng Bàng, phường 6, Quận 6, Thành Phố Hồ Chí Minh, kết quả như sau: Khoảng tháng 9/2023 Thái Tuấn có sử dụng facebook tên “Thái Tuấn” vào trang quảng cáo hiển thị “Cần tiền thì để lại số điện thoại”, nên Thái Tuấn nhập số điện thoại mình vào. Khoảng 02 ngày sau, có nam thanh niên (không rõ lai lịch, nhân thân) liên hệ với Thái Tuấn yêu cầu cần thuê số tài khoản của Thái Tuấn mỗi cái giá 1.000.000 đồng (một triệu đồng), được Thái Tuấn đồng ý. Lúc này, Thái Tuấn đi mua 02 (hai) sim điện thoại số 0387220721 và 0355504961 đăng ký tên Thái Tuấn, sau đó người thanh niên (không rõ lai lịch, nhân thân) nêu trên tiếp tục yêu cầu Thái Tuấn mở 04 tài khoản Ngân hàng (trong đó có số tài khoản 39399457, Ngân hàng ACB), mang tên THAI TUAN. Khi thực hiện xong các bước theo yêu cầu của người nam thanh niên (không rõ lai lịch, nhân thân) nêu trên thì Thái T giao sim và số tài khoản trên cho người thanh niên và được nhận số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu, năm trăm nghìn đồng). Từ đó đến nay, Thái T không quản lý, sử dụng số tài khoản và các số điện thoại nêu trên nên cũng không biết việc thực hiện các giao dịch chuyển tiền của số tài khoản 39399457 - Ngân hàng ACB.

Hành vi cho thuê tài khoản ngân hàng của Thái T đã vi phạm khoản 5 Điều 26 Nghị định 88/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 143/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng. Thái Tuấn có nơi cư trú tại phường 6, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh nên thẩm quyền xử lý thuộc Công an Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh. Cơ quan điều

tra Công an huyện Tư Nghĩa đã có văn bản đề nghị Công an Quận 6, Thành phố HCM xử lý hành chính đối với Thái T là có căn cứ.

[7] Đối với ông Đặng Văn C (chồng bị cáo Lê Thị V).

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 16/3/2024 Lê Thị V cùng chồng là Đặng Văn C và con thuê xe taxi Mai Linh chở đi Đà Nẵng chơi, tuy nhiên đi đến đoạn đường dẫn cao tốc Quảng Ngãi - Đà Nẵng thì Vĩ yêu cầu dừng xe và đi bộ xuống khu vực xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, Vĩ nói với C là đi có việc, nhưng đi đâu, làm gì thì ông C không rõ, sau đó ông C và con đi về nhà. Bị cáo không nói cho ông C biết về hành vi lừa đảo của mình và ông C không biết hành vi lừa đảo của Vĩ nên ông C không liên quan đến vụ án.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 về tội danh, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như trách nhiệm dân sự và nhân thân của bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Tuy nhiên về mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo Lê Thị Vĩ có phần nghiêm khắc.

[9] Về án phí:

[9.1] Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9.2] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng số tiền buộc phải trả cho ông Trần Đăng R là $281.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 14.075.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị V phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

Xử phạt bị cáo Lê Thị V 08 (tám) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt từ tính tính ngày 21/3/2024.

2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội “*Che giấu tội phạm*”

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành án tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/3/2024 đến ngày 17/6/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Lê Thị V phải trả cho ông Trần Đăng R với tổng số tiền là 281.500.000 đồng (hai trăm tám mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng).

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xám, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong, đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đen, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong, của bị cáo Lê Thị V để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án.

Trả lại cho ông Lê E 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát: 76V5-6709, nhãn hiệu Dream, màu xanh đen đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Trần Văn H 01 (một) xe mô tô, biển kiểm soát 76R2-0274, nhãn hiệu Nouvo, màu vàng đen, đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo, màu đỏ, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong, đã qua sử dụng.

(Tất cả vật chứng ghi trên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/12/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ngãi với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa)

4. Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Thị V và bị cáo Trần Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.075.000 đồng (mười bốn triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

5. Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử công khai, bị cáo Lê Thị V, Trần Văn H và bị hại ông Trần Đăng R có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Q.Ngãi;
- CQCSĐT Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Khu vực 4;
- Phòng THADS Khu vực 4;
- Trại tạm giam số 1, CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hậu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Sơn Nguyễn Phước Đạt

Nguyễn Văn Hậu

